

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS- ST

Ngày 12 - 8 -2021

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Dũng và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2021, tại Phòng xét xử, trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2020/TLST-DS ngày 29/12/2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-DS ngày 29/6/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-DS ngày 20/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1983 (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2020); Địa chỉ: Số 865A Hùng V, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 46 Hùng V, tổ dân phố Tân L 1, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình B trình bày: Giữa bà H và bà Nguyễn Thị Kim C có mối quan hệ là người quen biết; Vào năm 2019, bà C có vay của bà H tổng số tiền là 563.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu đồng). Các lần vay và thời hạn trả nợ cụ thể như sau:

Ngày 7/3/2019, vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ chậm nhất là 03 tháng kể từ ngày vay;

Ngày 3/4/2019, vay thêm số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*). Thời hạn trả nợ chậm nhất là 03 tháng, tính từ ngày vay.

Ngày 16/4/2019, vay tiếp số tiền 263.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi ba triệu đồng*). Thời hạn trả nợ chậm nhất là 01 tháng, tính từ ngày vay.

Cả ba lần vay nói trên, lãi suất đều do hai bên thỏa thuận bằng miệng theo quy định của pháp luật. Quá trình vay hai bên có lập giấy vay tiền viết tay và không cầm cố, thế chấp tài sản gì. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn trả nợ, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà C trả số tiền nói trên cho bà nhưng bà C cố tình chây ỳ, trốn tránh không chịu trả nợ cho bà H như đã thỏa thuận. Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà C trả tổng số tiền là **733.772.000đ**, Trong đó: Nợ gốc là 563.000.000đ, nợ lãi là 170.772.000đ, tiền lãi tính từ ngày nghĩa vụ bị vi phạm đến ngày khởi kiện ngày 15/12/2020 với lãi suất 20%/năm.

Nay tại phiên toà bà H thay đổi một phần nội dung khởi kiện đề nghị toà án giải quyết buộc bà C phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 563.000.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi ba triệu đồng*) và khoản lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Đối với khoản vay 100.000.000đ: $100.000.000đ \times 10\%/năm \times 1 \text{ năm } 6 \text{ tháng } 8 \text{ ngày} = 553 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 7/6/2019, ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày 15/12/2020) = 15.150.500đ.

Đối với khoản vay 200.000.000đ: $200.000.000đ \times 10\%/năm \times 1 \text{ năm } 5 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 527 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 3/7/2019, ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày 15/12/2020) = 28.876.500đ.

Đối với khoản vay 263.000.000đ: $263.000.000đ \times 10\%/năm \times 1 \text{ năm } 6 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 574 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 16/5/2019, ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày 15/12/2020) = 41.359.000 đ.

Tổng cộng: yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho bà H tổng số tiền là 648.386.000đ (Trong đó: Nợ gốc là 563.000.000đ, nợ lãi là 85.386.000đ), và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:
Tôi và cô H là người hàng xóm, quen biết với nhau từ rất lâu, cô H làm cái số đề và từ tháng 01/2019 đến tháng 7/2019 tôi có nhắn tin ghi số đề nhiều lần với cô H để đặt số từ số điện thoại của tôi 0942732527 qua số điện thoại của cô H 0886955758 nhưng chưa cộng dồn tổng số tiền là bao nhiêu. Sau đó cô H cộng dồn và buộc tôi phải ghi giấy nợ. Tôi xác định số tiền nợ ghi trong các giấy mượn tiền có nguồn gốc xuất phát từ tiền ghi số đề chứ không phải tiền vay. Vì vậy tôi đề nghị toà án thu thập thông tin từ các số điện thoại trên qua nhà mạng Vina phone để xác minh các nội dung tin nhắn này làm căn cứ giải quyết vụ án hoặc chuyển Cơ quan Công an thị xã Buôn Hồ giải quyết theo thẩm quyền. Nay tại phiên toà tôi thừa nhận có ký và chữ ký trong giấy vay tiền là của tôi và tôi đồng ý trả số tiền gốc, không đồng ý trả số tiền lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H là có căn cứ nên buộc bị đơn bà C phải trả cho bà H tổng số tiền 648.386.000đ; Trong đó: Nợ gốc là 563.000.000đ, nợ lãi là 85.386.000đ (tiền lãi tính từ ngày nghĩa vụ bị vi phạm đến ngày 15/12/2020 với mức lãi suất 10%/năm), là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án bị đơn, đã được thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể công khai chứng cứ, tiến hành đối chất, hoà giải được theo quy định tại Điều 205, Điều 207, Điều 208 BLTTDS. Việc bà C cố tình trốn tránh, không đến tòa án để giải quyết vụ kiện là tự mình tước đi của mình quyền được pháp luật bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Vì vậy bà C phải gánh chịu hậu quả bất lợi về mặt pháp lý của việc Tòa án không thể công khai chứng cứ, tiến hành đối chất, hoà giải giữa các bên theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Do có mối quan hệ quen biết nên bà H có cho bà C vay tiền nhiều lần, cụ thể Ngày 7/3/2019, vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Thời hạn trả nợ chậm nhất là 03 tháng kể từ ngày vay; Ngày 3/4/2019, vay thêm số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*). Thời hạn trả nợ chậm nhất là 03 tháng, tính từ ngày vay. Ngày 16/4/2019, vay tiếp số tiền 263.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi ba triệu đồng*). Thời hạn trả nợ chậm nhất là 01 tháng, tính từ ngày vay, lãi suất các lần vay do các bên tự thoả thuận, nhưng không lập thành văn bản.

Đã quá hạn trả nợ theo thoả thuận, mặc dù nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà C cố tình trốn tránh không trả và cũng không đến tòa để giải quyết.

Như vậy việc bà H khởi kiện yêu cầu bà C phải trả cho bà H số tiền đã vay và lãi suất với tổng số tiền là 648.386.000đ; Trong đó: Nợ gốc là 563.000.000đ, nợ lãi là 85.386.000đ cụ thể: [-100.000.000đ x 10%/năm x 1 năm 6 tháng 8 ngày (tính từ ngày 7/6/2019 ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày 15/12/2020) = 15.150.500đ; - 200.000.000đ x 10%/năm x 1 năm 5 tháng 12 ngày (tính từ ngày 3/7/2019 ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày 15/12/2020) = 28.876.500đ; - 263.000.000đ x 10%/năm x 1

năm 6 tháng 29 ngày (tính từ ngày 16/5/2019 ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày 15/12/2020) = 41.359.000 đ]. Là có căn cứ phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sự thừa nhận của các bên, và kết quả cung cấp chứng cứ của cơ quan có thẩm quyền (nhà mạng Vina phone) nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Xét khai nại của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C tại bản tự khai, đơn đề nghị toà án thu thập chứng cứ và tại phiên toà HĐXX xét thấy: Tại công văn số 1650/VNPT-KTPCTT-TL ngày 06/4/2021 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam phúc đáp quyết định thu thập chứng cứ số 03/2021/QĐ-CCTLCC ngày 30/3/2021 của TAND thị xã Buôn Hồ nêu rõ: chủ thuê bao số điện thoại 0942.732.527 là bà Nguyễn Thị Kim C; chủ thuê bao số điện thoại 0886.955.758 là ông Nguyễn Thành T, cho nên số điện thoại này không phải của bà H; Đối với nội dung tin nhắn giữa hai số điện thoại trên hiện không được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của tập đoàn do đó không có số liệu để cung cấp cho toà án. Đồng thời khi thực hiện giao dịch dân sự bà C là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thừa nhận có ký tên vào giấy vay tiền, nhưng không có căn cứ cho rằng việc ký giấy vay tiền là ngoài ý muốn hay do bị ép buộc, ngoài các yêu cầu trên thì bà C cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp cũng như phản bác yêu cầu của người khác, việc trình bày về thời gian nợ tiền có mâu thuẫn tại các giấy vay tiền thể hiện trong tháng 3 và tháng 4/2019, còn bà C cho rằng số tiền này là tiền ghi số đề từ tháng 01 đến tháng 7/2019, nên không có cơ sở để chấp nhận, do đó bà C phải tự chịu hậu quả pháp lý trên cơ sở chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 144; Điều 147; Điều 205, Điều 207, Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải có nghĩa vụ trả cho bà H tổng số tiền là 648.386.000đ; Trong đó: Nợ gốc là

563.000.000đ, nợ lãi là 85.386.000đ (tiền lãi tính từ ngày nghĩa vụ bị vi phạm đến ngày 15/12/2020 với mức lãi suất 10%/năm).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 29.935.440 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.675.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0018057 ngày 29/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho các bên đương sự có mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Minh Chức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 12/ 8/2021.

Tại trụ sở TAND thị xã Buôn Hồ.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Chúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Dũng và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 290/2020/TLST-DS ngày 23/7/2020 về việc
“*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hiệp, sinh năm 1974; Địa chỉ: Buôn Ea Nho, xã Chư Kbo, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Bảo, sinh năm 1983 (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2020); Địa chỉ: Số 865A Hùng Vương, phường Thiện An, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 46 Hùng Vương, tổ dân phố Tân Lập 1, phường Đạt Hiếu, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi thảo luận, phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử biểu quyết, quyết định các vấn đề sau:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: *“Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”*. *Kết quả biểu quyết: 3/3.*

2. Về căn cứ pháp luật áp dụng:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 144; Điều 147; Điều 205, Điều 207, Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Kết quả biểu quyết: 3/3.*

3. Các quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Hiệp, buộc bà Nguyễn Thị Kim Cúc phải trả cho bà H tổng số tiền là **648.386.000đ**; Trong đó: Nợ gốc là 563.000.000đ, nợ lãi là 85.386.000đ (tiền lãi tính từ ngày nghĩa vụ bị vi phạm đến ngày 15/12/2020 với mức lãi suất 10%/năm).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015. *Kết quả biểu quyết: 3/3.*

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc phải chịu 29.935.440đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Hiệp số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.675.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0018057 ngày 29/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. *Kết quả biểu quyết: 3/3.*

Báo cho các bên đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết các vấn đề trên 3/3, không có ý kiến khác.

Nghị án kết thúc vào lúc 10 giờ 25 phút cùng ngày và đã được thông qua tại phòng nghị án.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ